



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	15 - 48
8. Phụ lục	49 - 51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005032 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn)	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.641.885

Fax : (84-8)38.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục mầm non.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị ngành in.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sản giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000192 ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100776581 ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310352650 ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400910908 ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	80%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều giảm so với năm trước chủ yếu là do doanh thu kinh doanh bất động sản giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 51).

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 01/BBĐHĐCĐ-2012 ngày 07 tháng 01 năm 2012 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2011 ngày 09 tháng 01 năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức (*)	42.000.000.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	19.824.881.383	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	4.956.220.346	VND
- Trích quỹ khen thưởng	5.608.200.891	VND
- Trích quỹ phúc lợi	6.938.708.484	VND
- Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	900.000.000	VND

(*) Trong đó cổ tức đã ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 17.818.954.500 VND.

Ngoài ra, Công ty mẹ đã tạm ứng cổ tức của năm 2012 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BBHĐQT-2011 ngày 30 tháng 6 năm 2012 với tỷ lệ là 10%/vốn điều lệ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

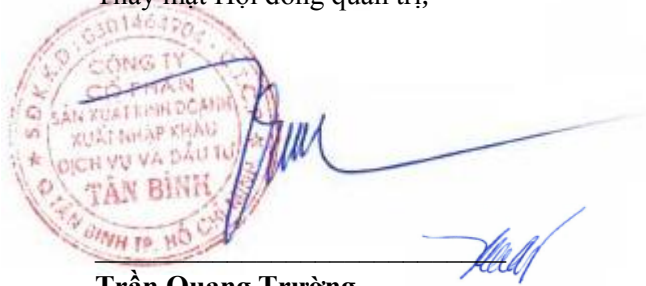
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Số: 0896/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 của bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 09 tháng 12 năm 2012, từ trang 08 đến trang 51 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (Công ty mẹ) phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất và chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của dự án theo số liệu ước tính. Theo giải thích của Công ty mẹ, sở dĩ có tình trạng trên là do từ năm 2003 trở về trước các chuẩn mực kế toán chưa được ban hành đầy đủ và cũng chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho hoạt động này. Việc ghi nhận doanh thu và chi phí như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp nhận.

Theo chúng tôi việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư như trên là chưa phù hợp với hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác. Theo đó, doanh thu cho thuê đất được ghi nhận theo số tiền thuê hàng năm, doanh thu bán nền đất và bán căn hộ chung cư được ghi nhận khi đã bàn giao nền và căn hộ. Giá vốn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Do việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty mẹ đã phát sinh từ nhiều năm về trước và khối lượng hợp đồng đã ký kết rất lớn và phức tạp nên chúng tôi không thể định lượng được ảnh hưởng của việc chưa tuân thủ hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 nêu trên đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ
TÂN BÌNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		566.425.328.020	535.453.424.868
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	250.911.037.155	227.092.982.144
1. Tiền	111		17.247.510.962	25.369.968.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		233.663.526.193	201.723.013.885
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.400.938.125	101.292.086.989
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	10.473.671.161	62.764.955.492
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.539.387.811	31.047.863.639
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.544.788.153	8.021.790.209
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(156.909.000)	(542.522.351)
IV. Hàng tồn kho	140		284.211.560.254	203.981.316.429
1. Hàng tồn kho	141	V.7	284.211.560.254	203.981.316.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		901.792.486	3.087.039.306
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	15.658.367	763.032.743
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		130.875.879	392.366.500
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	98.672.476
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	755.258.240	1.832.967.587

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		434.670.016.601	534.838.203.156
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.590.397.434	14.575.648.768
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	12.329.947.565	16.844.996.899
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	500.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.12	(2.239.550.131)	(2.269.348.131)
II. Tài sản cố định	220		219.620.513.842	248.990.066.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	59.236.281.795	75.024.213.674
<i>Nguyên giá</i>	222		198.692.851.829	236.556.591.741
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(139.456.570.034)	(161.532.378.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	122.022.976.717	103.519.758.388
<i>Nguyên giá</i>	228		361.318.963.623	338.304.583.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(239.295.986.906)	(234.784.824.656)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	38.361.255.330	70.446.094.648
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	112.276.693.770	183.426.668.709
<i>Nguyên giá</i>	241		194.330.341.158	246.443.185.753
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(82.053.647.388)	(63.016.517.044)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		88.181.061.016	65.924.161.378
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	71.139.827.218	41.925.345.395
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	20.298.897.115	29.759.539.294
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(3.257.663.317)	(5.760.723.311)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.001.350.539	21.921.657.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	44.509.998	11.369.936.246
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		3.701.840.541	3.844.361.517
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	255.000.000	6.707.359.828
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.001.095.344.621	1.070.291.628.024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		480.768.458.971	566.681.442.709
I. Nợ ngắn hạn	310		88.797.550.440	163.819.086.494
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	23.010.223.530	92.099.317.215
2. Phải trả người bán	312	V.23	13.128.274.321	18.618.992.464
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	421.656.000	4.355.020.524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	15.743.635.182	8.680.388.520
5. Phải trả người lao động	315	V.26	7.463.052.582	11.001.564.622
6. Chi phí phải trả	316	V.27	20.915.114.442	20.501.421.741
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	3.928.976.158	4.868.331.938
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	4.186.618.225	3.694.049.470
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		391.970.908.531	402.862.356.215
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	93.855.986
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.30	34.842.793.943	85.031.597.605
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	67.644.853.332	100.844.371.801
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.32	246.293.957	1.136.163.157
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	289.236.967.299	215.756.367.666
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		520.326.885.650	503.610.185.315
I. Vốn chủ sở hữu	410		520.126.885.650	503.610.185.315
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	90.352.860.000	90.352.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(12.901.547.446)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	88.819.522.771	65.755.991.378
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	18.194.551.806	12.428.668.958
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	95.661.498.519	95.072.664.979
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		200.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.001.095.344.621	1.070.291.628.024

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài				21.279.358.080	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				290.315.632	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược					
4. Nợ khó đòi đã xử lý					
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		192.087,48		117.422,08	
Euro (EUR)		17.844,00		17.844,00	
Yên Nhật (¥)		182.014,00		59.874	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	721.512.220.269	1.033.728.642.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	200.233.941	533.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	721.311.986.328	1.033.728.108.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	511.972.409.037	780.937.637.539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		209.339.577.291	252.790.471.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	45.845.161.096	36.615.897.165
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.078.231.354	42.930.150.909
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.506.786.845	30.635.748.940
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	65.832.407.511	65.686.467.386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	36.418.895.843	42.131.169.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		125.855.203.679	138.658.580.844
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.613.025.643	3.424.844.326
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.562.217.916	1.680.723.318
13. Lợi nhuận khác	40		(2.949.192.273)	1.744.121.008
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.562.303.766)	(9.097.116.495)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121.343.707.640	131.305.585.357
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	31.605.507.484	33.003.497.054
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		74.324	182.551.337
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.738.125.832	98.119.536.966
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		89.738.125.832	98.119.536.966
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.830	4.088

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		876.338.270.986	1.044.714.250.202
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(389.735.592.197)	(671.176.817.476)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(50.573.610.074)	(58.674.794.107)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21.873.123.334)	(30.575.552.208)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(29.931.562.928)	(36.313.973.147)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		72.165.608.098	1.277.160.009.705
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(297.379.872.476)	(1.307.095.871.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		159.010.118.075	218.037.251.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(47.504.805.504)	(114.922.366.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	744.268.675
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.000.000.000)	(46.457.487.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.000.000.000	48.150.526.562
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(86.110.000.000)	(10.885.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		70.184.552.540	952.948.153
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.567.109.816	23.499.204.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.863.143.148)	(98.917.905.780)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(12.901.547.446)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.30	6.732.564.805	378.294.365.146
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22, V.30	(43.726.897.070)	(359.987.967.394)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.33	(47.463.898.700)	(41.858.157.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.359.778.411)	(23.551.759.248)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.787.196.516	95.567.586.407
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	227.092.982.144	131.503.628.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.858.495	21.767.520
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	250.911.037.155	227.092.982.144

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- 1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất, kinh doanh bất động sản, khai thác, dịch vụ, thương mại, khách sạn.
- 3. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:** Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đại lý bán lẻ xăng dầu, gas, nhớt và dầu mỡ; Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết; Gia công hàng may mặc; Khai thác và kinh doanh nước ngầm, nước sạch; Sản xuất suất ăn công nghiệp; Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây và chăm sóc cây xanh); Hoạt động các câu lạc bộ: hồ bơi, tennis; Dịch vụ thu gom và vận chuyển rác; Dịch vụ rửa xe; Cho thuê kho hàng, xưởng sản xuất; Bán hàng nhập khẩu, cho thuê mặt bằng kho; Bán buôn thực phẩm hàng tiêu dùng; Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn 2 sao), nhà hàng ăn uống tại khách sạn Phương Đông; Khai thác đất, sản xuất gạch; Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Xử lý nước thải.
- 4. Tổng số các công ty con : 04**
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) (*)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	80%	80%

(*) Chỉ hợp nhất số liệu của Taniservice từ ngày 01/10/2011 đến ngày 01/7/2012 do trong giai đoạn này Taniservice vẫn còn là công ty con, từ ngày 02/7/2012 trở đi Taniservice trở thành công ty liên kết nên tại 30/9/2012 hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Lô I-2 nhóm công nghiệp 1, Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	47,50%	47,50%
Công ty cổ phần Đầu tư Minh Phát	Lô IV-18 Đường CN2, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	49%	49%
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	40%	40%
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Lô 6-1, cụm 6, Khu công nghiệp Tân Bình II, đường M1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	20%	20%
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình - Tanimex (*)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	36,01%	36,01%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 Tập đoàn có 667 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 719 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều giảm so với năm trước chủ yếu là do doanh thu kinh doanh bất động sản giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 31
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 25
Quyền sử dụng đất	50

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
San lấp mặt bằng	50
Chi phí đền bù	50
Quyền sử dụng đất	50

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% trên mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ của Công ty	20%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.	5%	20% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	8%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại tuân của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.837.271.397	7.251.126.245
Tiền gửi ngân hàng	11.410.239.565	18.118.842.014
Các khoản tương đương tiền (*)	233.663.526.193	201.723.013.885
Cộng	<u>250.911.037.155</u>	<u>227.092.982.144</u>

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng. Một số khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 5.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức vay với lãi suất 15%/năm	3.000.000.000	-
Cho Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex vay với lãi suất 10%/năm	5.000.000.000	-
Cộng	<u>8.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	9.489.122.611	11.247.462.181
Các công ty con	984.548.550	51.517.493.311
Cộng	10.473.671.161	62.764.955.492

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	4.463.784.124	10.609.588.480
Các công ty con	75.603.687	20.438.275.159
Cộng	4.539.387.811	31.047.863.639

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	200.000.000	700.000.000
<i>Tap chí thể giới Tennis</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên TMDV y tế Tân Bình</i>	-	500.000.000
Công ty Toàn Trung - tiền bồi thường	200.000.000	300.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.424.886.370	2.217.133.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	4.888.948.836	4.228.041.205
Thuế GTGT chưa kê khai	-	16.051.488
Phải thu khác	830.952.947	560.564.183
Cộng	7.544.788.153	8.021.790.209

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số đầu năm	542.522.351
Trích lập dự phòng bổ sung	156.909.000
Giảm do thanh lý công ty con	(407.577.351)
Chuyển sang dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(134.945.000)
Số cuối năm	156.909.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.035.259.432	493.752.211
Công cụ, dụng cụ	21.134.545	236.802.406
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	262.191.964.840	181.782.256.046
Thành phẩm	2.106.648.347	801.012.360
Hàng hóa	18.820.903.380	20.564.810.500
Hàng hóa bất động sản	35.649.710	102.682.906
Cộng	284.211.560.254	203.981.316.429

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	10.408.367	93.522.872
Chi phí sửa chữa	-	112.383.779
Phí bảo hiểm	5.250.000	115.191.310
Phí duy tu và tiện ích công cộng	-	311.517.132
Chi phí khác	-	130.417.650
Cộng	15.658.367	763.032.743

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	125.637.500	884.026.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	629.620.740	948.941.587
Cộng	755.258.240	1.832.967.587

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	12.329.947.565	15.883.360.481
Các công ty con	-	961.636.418
Cộng	12.329.947.565	16.844.996.899

11. Phải thu dài hạn khác

Cho Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ y tế Tân Bình (Tanimedi) mượn tiền.

12. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

Số đầu năm	2.269.348.131
Trích lập dự phòng trong năm	-
Chuyển từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	134.945.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(164.743.000)
Số cuối năm	2.239.550.131

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 49.

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>San lấp mặt bằng</u>	<u>Kinh phí đền bù</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.399.855.437	84.218.125.350	248.599.152.257	87.450.000	338.304.583.044
Tăng trong năm	22.911.680.579	-	102.700.000	-	23.014.380.579
<i>Kết chuyển từ bất động sản đầu tư</i>	22.489.928.479	-	-	-	22.489.928.479
<i>Kết chuyển từ xây dựng cơ bản</i>	421.752.100	-	102.700.000	-	524.452.100
Số cuối năm	28.311.536.016	84.218.125.350	245.653.437.284	87.450.000	361.318.963.623
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	69.563.827.691	149.640.333.530	87.450.000	219.291.611.221

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	881.646.547	75.647.202.995	158.169.982.614	85.992.500	234.784.824.656
Khấu hao trong năm	561.436.581	318.967.887	2.055.005.288	1.457.500	2.936.867.256
Kết chuyển từ bất động sản đầu tư	1.574.294.994	-	-	-	1.574.294.994
Số cuối năm	3.017.378.122	75.966.170.882	160.224.987.902	87.450.000	239.295.986.906
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.518.208.890	8.570.922.355	90.429.169.643	1.457.500	103.519.758.388
Số cuối năm	25.294.157.894	8.251.954.468	85.428.449.382	-	122.022.976.717
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 50.

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.755.428.479	207.687.757.274	246.443.185.753
Tăng trong năm	-	15.162.212.304	15.162.212.304
Mua mới trong năm	-	99.486.800	99.486.800
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	3.834.126.208	3.834.126.208
Thu hồi kho xưởng	-	4.431.956.275	4.431.956.275
Điều chuyển từ công ty con	-	5.175.345.240	5.175.345.240
Thu hồi tài sản cố định	-	1.149.684.781	1.149.684.781
Chi phí biệt thự Vũng Tàu	-	471.613.000	471.613.000
Giảm khác	(22.489.928.479)	(44.785.128.420)	(67.275.056.899)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.234.544.915)	(2.234.544.915)
Kết chuyển giá vốn	-	(32.210.430.530)	(32.210.430.530)
Chuyển sang TSCĐVH	(22.489.928.479)	-	(22.489.928.479)
Thu hồi kho xưởng	-	(4.431.956.275)	(4.431.956.275)
Chuyển từ xây dựng cơ bản sang	-	(5.908.196.700)	(5.908.196.700)
Số cuối năm	16.265.500.000	178.064.841.158	194.330.341.158
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.186.322.247	60.830.194.797	63.016.517.044
Tăng trong năm	376.591.703	23.296.526.088	23.673.117.791
Khấu hao trong năm	376.591.703	16.113.983.072	16.490.574.775
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.704.476.148	1.704.476.148
Điều chuyển từ công ty con	-	4.800.385.500	4.800.385.500
Thu hồi tài sản	-	677.681.368	677.681.368
Giảm trong năm	(1.574.294.994)	(3.061.692.453)	(4.635.987.447)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.234.544.915)	(2.234.544.915)
Chuyển sang tài sản cố định	(1.574.294.994)	-	(1.574.294.994)
Chuyển từ xây dựng cơ bản sang	-	(827.147.538)	(827.147.538)
Số cuối năm	988.618.956	81.065.028.432	82.053.647.388

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	36.569.106.232	146.857.562.477	183.426.668.709
Số cuối năm	15.276.881.044	96.999.812.726	112.276.693.770

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý (giá trị thị trường) của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	65.427.184.809	64.084.186.204
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	16.490.574.775	12.020.844.325
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	3.600.000	24.599.591.164	3.600.000	25.330.139.888
Công ty cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình ^(b)	612.750	5.794.185.756	570.000	7.436.595.802
Công ty cổ phần kiến trúc Tân Bình ^(c)	-	-	285.685	2.286.851.954
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Mimosza xanh ^(d)	-	-	585.000	5.682.744.449
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(e)	290.000	932.440.193	160.000	1.189.013.302
Công ty cổ phần Đầu tư Minh Phát ^(f)	1.470.000	15.778.547.204	-	-
Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình ^(g)	1.800.350	24.035.062.901	-	-
Cộng		71.139.827.218		41.925.345.395

^(a) Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 65/UBCK-GP của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp bổ sung ngày 22 tháng 8 năm 2007, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn 36.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304592598 thay đổi lần thứ 05, ngày 10 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được chia cổ tức theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,5%/vốn điều lệ tương ứng 42.750 cổ phiếu. Việc tăng cổ phiếu sở hữu theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng không làm thay đổi tỷ lệ đầu tư của Tập đoàn vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103009526 ngày 03 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần Kiêng Tân Bình 13.794.181.340 VND tương đương 48,92% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần Kiêng Tân Bình đã giải thể và đã hoàn trả 1 phần vốn cho các cổ đông. Tập đoàn đã tiến hành thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5800553524 đăng ký thay đổi lần 01, ngày 17 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh 5.850.000.000 VND tương đương 45,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng 585.000 cổ phần với giá chuyển nhượng là 1.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn đầu tư của Tập đoàn là 0 VND.
- (e) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 1.600.000.000 VND. Trong năm, Tập đoàn đã góp thêm 1.300.000.000 VND tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ).
- (f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0311640972 ngày 20 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký.
- (g) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4104000192 thay đổi lần thứ 03, ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) 6.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom) đã sáp nhập vào Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) với số vốn mới tại Taniservice là 12.000.000.000 VND. Sau đó đến ngày 17/4/2012, Taniservice chuyển đổi loại hình từ cty TNHH 1TV thành công ty TNHH 3 TV và đến ngày 09/5/2012 Taniservice trở thành công ty cổ phần. Tập đoàn đã bán một phần vốn của mình trong Taniservice nên Taniservice tại 30/9/2012 không còn là công ty con mà trở thành công ty liên kết.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá trị phần sở hữu phát sinh	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng khác	Giảm do thanh lý công ty liên kết	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	25.330.139.888	-	(730.548.724)	-	-	24.599.591.164
Công ty Cổ phần Xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex	7.436.595.802	-	(2.069.910.046)	427.500.000	-	5.794.185.756
Công ty cổ phần kiêng Tân Bình	2.286.851.954	-	-	-	(2.286.851.954)	-
Công ty Cổ phần Kính Tân Bình	1.189.013.302	1.300.000.000	(1.556.573.109)	-	-	932.440.193
Công ty cổ phần Đầu tư Minh Phát	-	14.700.000.000	1.078.547.204	-	-	15.778.547.204

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá trị phần sở hữu phát sinh	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng khác	Giảm do thanh lý công ty liên kết	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimosza xanh	5.682.744.449	-	-	-	(5.682.744.449)	-
Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình	-	22.108.298.000	1.926.764.901	-	-	24.035.062.901
Cộng	41.925.345.395	38.108.298.000	(1.351.719.774)	427.500.000	(7.969.596.403)	71.139.827.218

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	5	15.189	21.458	76.263.680
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	568.521	4.669.841.614	554.655	4.669.841.614
Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	14.500	594.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	3	60.312	42.973	863.934.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	560.343	5.603.430.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex	-	-	200.000	3.000.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	-	1.901.250.000		2.535.000.000
Công ty cổ phần Tân Bình	-	104.300.000	-	-
Cộng		20.298.897.115		29.759.539.294

Lý do thay đổi:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam giảm 11.453 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) giảm 14.500 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín giảm 42.970 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần quản lý đầu tư chứng khoán Việt Long giảm 439.657 cổ phiếu do thoái vốn.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex giảm 200.000 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 1.901.250.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	121.673.926	278.420.100
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long ^(*)	3.135.989.391	5.482.303.211
Cộng	3.257.663.317	5.760.723.311

(*) Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa vào giá trị sổ sách của các Công ty này. Số liệu trên Báo cáo tài chính mà Công ty làm cơ sở lập dự phòng của các đơn vị này chưa được kiểm toán tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2012 mà chỉ có báo cáo được kiểm toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 do khác niên độ năm tài chính.

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Giảm do thanh lý công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	10.724.618.900	(56.807.500)	(10.667.811.400)	-
Chi phí sửa chữa kho, hội quán, văn phòng	241.502.454	(29.595.000)	(184.778.704)	27.128.750
Công cụ, dụng cụ	403.814.892	(23.175.000)	(363.258.644)	17.381.248
Cộng	11.369.936.246	(109.577.500)	(11.215.848.748)	44.509.998

21. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	65.403.717.215
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	305.600.000	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30)	22.704.623.530	26.390.000.000
Cộng	23.010.223.530	92.099.317.215

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm do thanh lý công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.403.717.215	-	-	-	(65.403.717.215)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	305.600.000	-	-	-	-	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	26.390.000.000	16.503.623.530	80.140.000	(20.269.140.000)	-	22.704.623.530
Cộng	92.099.317.215	16.503.623.530	80.140.000	(20.269.140.000)	(65.403.717.215)	23.010.223.530

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	13.083.671.801	14.865.378.496
Các công ty con	44.602.520	3.753.613.968
Cộng	13.128.274.321	18.618.992.464

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	421.656.000	96.138.910
Các công ty con	-	4.258.881.614
Cộng	421.656.000	4.355.020.524

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.630.239.205	128.709.827
Thuế giá trị gia tăng truy thu theo Biên bản quyết toán thuế năm 2007 và 2008	27.923.579	27.923.579
Thuế xuất, nhập khẩu	-	881.175.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	84.103.219	486.491.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.521.285.724	1.794.417.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Biên bản quyết toán thuế năm 2007 và 2008	5.124.695.733	5.124.695.733
Thuế thu nhập cá nhân	124.477.829	220.346.406
Thuế tài nguyên		13.696.380
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.230.909.893	2.931.000
Cộng	15.743.635.182	8.680.388.520

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí duy tu, phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước sinh hoạt; hàng nông sản	5%
- Thuê mặt bằng, kho xưởng; bán gạch và vận chuyển; nền đất ưu đãi; cho thuê cây xanh; cho thuê sân tennis và các hoạt động khác ,....	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Riêng kể từ kỳ tính thuế quý 4, Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	20.876.873.914	17.628.395.161
Tiền thuê đất	-	2.482.851.859
Chi phí phải trả khác	38.240.528	390.174.721
Cộng	20.915.114.442	20.501.421.741

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	25.066.363	336.963.366
Cổ tức phải trả	366.357.900	599.645.400
Tiền hỗ trợ tái định cư	398.296.118	360.522.437
Trái tức phải trả	-	3.837.600
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	89.566.967	89.566.967
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	180.000.000	370.000.000
Phí duy tu hạ tầng	741.177.572	1.978.680.790
Phí bảo trì chung cư	996.401.982	-
Nhận ký quỹ	-	15.520.000
Phải trả khác	1.132.109.256	1.113.595.378
Cộng	3.928.976.158	4.868.331.938

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.058.967.230	12.638.881.455	(10.698.415.626)	(895.795.163)	4.103.637.896
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	635.082.240	900.000.000	(1.452.101.911)	-	82.980.329
Cộng	3.694.049.470	13.538.881.455	(12.150.517.537)	(895.795.163)	4.186.618.225

29. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp về việc xây dựng trạm biến áp điện tại Khu công nghiệp Tân Bình	827.445.951	20.938.985.327
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.714.167.909	59.804.727.940
Phải trả dài hạn khác	4.301.180.083	4.287.884.338
Cộng	34.842.793.943	85.031.597.605

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	58.198.855.825	89.004.608.614
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây ⁽ⁱⁱ⁾	312.797.507	4.534.523.711
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.133.200.000	7.305.239.476
Cộng	67.644.853.332	100.844.371.801

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.
 - Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 39/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009.
 - Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “ Trường trung học Sơn Kỳ”.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Toàn bộ nhà kho (xưởng) và phần phụ trợ của dự án kho xưởng 09 cụm 2 – nhóm công nghiệp 1, khu công nghiệp Tân Bình.
 - Cam kết dùng toàn bộ nguồn tiền thu được từ việc bán dây chuyền máy móc thiết bị in bao bì cho công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương theo hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT – 2006 ngày 12 tháng 05 năm 2006 và tất cả các nguồn thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc dự án “ Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02” và khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với giá trị 5.000.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn ngân hàng:

Từ 01 năm trở xuống	22.704.623.530
Trên 01 năm đến 05 năm	62.533.160.215
Trên 05 năm	5.111.693.117
Tổng nợ	90.349.476.862

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	100.844.371.801
Vay trong năm	6.732.564.805
Trả trong năm	(23.457.757.070)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(16.503.623.530)
Chênh lệch tỷ giá	29.297.326
Số cuối năm	67.644.853.332

31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.136.163.157
Số trích lập trong năm	9.500.850
Số chi trong năm	(58.978.450)
Giảm do thanh lý công ty con	(840.391.600)
Số cuối năm	246.293.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

32. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	133.134.165.304	116.370.231.430
Tiền chung cư	26.331.151.087	15.289.882.893
Tiền nền đất	129.771.650.908	84.074.373.342
Các khoản khác	-	21.880.001
Cộng	289.236.967.299	215.756.367.666

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 51.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm trước	24.341.034.700	24.039.202.500
Tạm ứng cổ tức năm nay	23.122.864.000	17.818.954.500
Cộng	47.463.898.700	41.858.157.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	754.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	754.000	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.246.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.246.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	721.512.220.269	1.033.728.642.200
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	365.982.000.229	489.501.542.406
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	5.449.599.133	31.436.101.123
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	180.580.032.137	147.986.631.980
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	169.500.588.770	364.804.366.691
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(200.233.941)	(533.354)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	721.311.986.328	1.033.728.108.846
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	365.982.000.229	489.501.009.052
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	5.449.599.133	31.436.101.123
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	180.580.032.137	147.986.631.980
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	169.300.354.829	364.804.366.691
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	358.369.664.127	473.271.892.182
Giá vốn bán thành phẩm	4.425.312.819	25.227.769.291
Giá vốn cung cấp dịch vụ	81.936.123.284	78.859.087.975
Giá vốn kinh doanh bất động sản	67.241.308.807	203.578.888.091
Cộng	511.972.409.037	780.937.637.539
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	26.682.248.477	24.587.869.819
Lãi tiền cho vay	1.864.180.558	2.353.073.005
Cổ tức, lợi nhuận được chia	588.407.621	1.343.017.709
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.265.627.929	1.989.556.506
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.881.399	542.826.365
Lãi phạt trả chậm	8.590.949.100	5.799.553.761
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu	6.822.866.012	-
Cộng	45.845.161.096	36.615.897.165
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.506.786.845	30.635.748.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.958.220.718	10.517.064.753
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.726.078	712.497.881
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	185.675.677	948.215.782
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	5.330.143.854	-
Chi phí tài chính khác	71.678.182	116.623.553
Cộng	27.078.231.354	42.930.150.909
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	19.624.823.555	22.938.080.987
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	819.640.902	2.040.096.512
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	645.048.925	1.202.417.615
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.649.023.682	3.457.426.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.405.107.729	14.258.366.640
Chi phí khác	15.688.762.718	21.790.079.395
Cộng	65.832.407.511	65.686.467.386

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	25.337.014.136	24.733.070.781
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	488.636.372	797.212.384
Chi phí đồ dùng văn phòng	599.390.352	650.417.324
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.948.402.221	3.644.494.218
Thuế, phí và lệ phí	213.208.394	282.713.261
Chi phí dự phòng	3.166.000	2.811.870.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.103.302.971	3.465.072.262
Chi phí khác	2.725.775.397	5.746.318.621
Cộng	36.418.895.843	42.131.169.333

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.083.890.909
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	582.656.687	988.586.421
Tiền thù lao cho xí nghiệp nguyên liệu	509.109.090	684.836.365
Thu nhập khác	521.259.866	667.530.631
Cộng	1.613.025.643	3.424.844.326

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	1.236.142.370
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	339.622.234
Tiền phạt truy thu thuế	4.461.255.144	-
Chi phí khác	100.962.772	104.958.714
Cộng	4.562.217.916	1.680.723.318

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89.738.125.832	98.119.536.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.738.125.832	98.119.536.966
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.431.626	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.830	4.088

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.000.000	24.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(568.374)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.431.626	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.735.200.000	3.725.500.000
Thưởng	258.000.000	327.000.000
Các khoản khác	181.320.000	128.550.000
Cộng	5.174.520.000	4.181.050.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết (đầu năm là công ty con)
Công ty cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết, cuối năm đã giải thể
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Mimoza xanh	Công ty liên kết, cuối năm đã chuyển nhượng cổ phần
Công ty cổ phần Đầu tư Minh Phát	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)		
Mua nhiên liệu, dịch vụ cây xanh, ăn uống và các dịch vụ khác	6.059.628.614	5.112.088.839
Phí ủy thác chung cư, kho xưởng, nhà lưu trú	570.626.169	1.590.634.781
Lợi nhuận phải thu	402.840.518	2.100.000.000
Tiền thuê đất	4.254.803.096	6.238.062.320
Mua tài sản cố định	2.810.433.784	-
Phải thu tiền lãi vay	701.777.780	-
Giảm vốn do bán cổ phiếu	10.944.722.000	-
Lãi do bán một phần vốn	4.435.278.000	-
Cho vay trong năm	7.000.000.000	-
Công ty cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải trả chi phí thi công các công trình	38.076.578.291	52.055.352.956
Cho thuê đất	372.093.522	372.439.570
Các dịch vụ khác	186.437.427	234.355.475

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)</i>		
Cho thuê kho xưởng	-	830.115.000
Phí xử lý nước thải	-	14.595.514
Chi phí thi công các công trình	-	1.474.244.465
Tiền cho thuê nhà	-	50.000.000
Cho mượn tiền	-	1.982.020.000
Mua sắm máy móc thiết bị	-	12.900.648.986
Mua hàng hoá	-	2.167.261.000
<i>Công ty cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn</i>		
Phí dịch vụ	30.000.000	-
Tiền lãi vay kinh doanh	1.308.611.111	2.193.888.889
Chi phí khảo sát thị trường	-	474.216.187
<i>Công ty cổ phần kính Tân Bình</i>		
Cho thuê kho xưởng	2.162.119.292	501.124.453
Phải thu phí xử lý nước thải	12.837.027	-
Bán hàng hoá	-	2.167.261.000
Phải thu tiền bán máy móc, thiết bị	2.890.000.000	-
Phải thu tiền lãi trả chậm	518.776.622	-
Cho thuê máy cẩu lực	1.060.000.000	400.000.000
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát</i>		
Mua hàng hoá	1.703.294.442	-
Cho thuê kho xưởng, văn phòng	412.500.000	-
Phải thu phí ủy thác cho thuê kho xưởng	1.123.255.838	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty CP Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)</i>		
Tiền cho vay	5.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần kính Tân Bình</i>		
Phải thu tiền máy móc thiết bị	5.562.987.100	2.823.987.100
Phải thu tiền cho thuê máy cẩu lực	660.000.000	-
Thuê kho xưởng	1.323.966.454	-
Cộng nợ phải thu	12.546.953.554	2.823.987.100
<i>Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cơ khí Tân Bình (Tanicons)</i>		
Phải trả tiền xây dựng công trình	7.251.717.073	11.515.679.149
Phải trả chi phí sửa chữa	8.633.000	-
Phải trả phí ủy thác xây dựng lắp đặt	183.865.450	-
Nhận ký quỹ kho xưởng	1.314.354.393	-
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát</i>		
Phải trả phí ủy thác kho xưởng	416.273.820	-
Cộng nợ phải trả	9.174.843.736	11.515.679.149

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động bán hàng hoá.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	169.300.354.829	365.982.000.229	186.029.631.270	721.311.986.328
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.300.354.829	365.982.000.229	186.029.631.270	721.311.986.328
Chi phí theo bộ phận	67.241.308.807	358.369.664.127	86.361.436.103	511.972.409.037
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	102.059.046.022	7.612.336.102	99.668.195.167	209.339.577.291
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(102.251.303.354)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				107.088.273.937
Doanh thu hoạt động tài chính				45.845.161.096
Chi phí tài chính				(27.078.231.354)
Thu nhập khác				1.613.025.643
Chi phí khác				(4.562.217.916)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	(1.562.303.766)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(31.605.507.484)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(74.324)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				89.738.125.832
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.751.128.386	23.241.058.622	11.813.492.366	45.805.679.374
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.218.071.653	17.765.268.741	9.030.133.699	35.013.474.093

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	364.804.366.691	31.436.101.123	637.487.641.032	1.033.728.108.846
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	364.804.366.691	31.436.101.123	637.487.641.032	1.033.728.108.846
Chi phí theo bộ phận	203.578.888.091	473.271.892.182	104.086.857.266	780.937.637.539
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	161.225.478.600	(441.835.791.059)	533.400.783.766	252.790.471.307
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(107.817.636.719)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				144.972.834.588
Doanh thu hoạt động tài chính				36.615.897.165
Chi phí tài chính				(42.930.150.909)
Thu nhập khác				3.424.844.326
Chi phí khác				(1.680.723.318)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(9.097.116.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(33.003.497.054)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(182.551.337)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				98.119.536.966
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	69.892.452.642	93.782.940.165	34.375.396.846	198.050.789.653
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	30.268.132.522	40.614.320.343	14.886.858.708	85.769.311.573

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	112.276.693.770	-	-	112.276.693.770
Tài sản phân bổ cho bộ phận	186.041.307.719	402.171.454.354	204.424.827.762	792.637.589.835
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				96.181.061.016
Tổng tài sản				1.001.095.344.621
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	111.859.328.935	241.809.894.546	122.912.617.265	476.581.840.746
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.186.618.225
Tổng nợ phải trả				480.768.458.971

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	183.426.668.709	-	-	183.426.668.709
Tài sản phân bổ cho bộ phận	289.711.371.220	24.965.150.622	506.264.276.095	820.940.797.937
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				65.924.161.378
Tổng tài sản				1.070.291.628.024
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	198.679.186.227	17.120.680.451	347.187.526.561	562.987.393.239
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.694.049.470
Tổng nợ phải trả				566.681.442.709

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	250.911.037.155	227.092.982.144	250.911.037.155	227.092.982.144
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.041.233.798	23.998.815.983	17.041.233.798	23.998.815.983
Phải thu khách hàng	20.407.159.595	76.798.081.909	20.407.159.595	76.798.081.909
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	8.742.347.610	16.562.117.624	8.742.347.610	16.562.117.624
Cộng	305.101.778.158	344.451.997.660	305.101.778.158	344.451.997.660
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	13.128.274.321	18.712.848.450	13.128.274.321	18.712.848.450
Vay và nợ	90.655.076.862	192.943.689.016	90.655.076.862	192.943.689.016
Các khoản phải trả khác	67.396.231.082	122.539.079.063	67.396.231.082	122.539.079.063
Cộng	171.179.582.265	334.195.616.529	171.179.582.265	334.195.616.529

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.31). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Cụm kho xưởng	76.481.434.510	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	76.481.434.510	
Số đầu năm		
Cụm kho xưởng	84.468.691.115	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	84.468.691.115	

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên kết và các công ty khác vay tiền. Tập đoàn đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	13.128.274.321	-	-	13.128.274.321
Vay và nợ	23.010.223.530	62.533.160.215	5.111.693.117	90.655.076.862
Các khoản phải trả khác	32.307.143.182	35.089.087.900	-	67.396.231.082
Cộng	68.445.641.033	97.622.248.115	5.111.693.117	171.179.582.265
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	18.618.992.464	93.855.986	-	18.712.848.450
Vay và nợ	92.099.317.215	81.831.678.684	19.012.693.117	192.943.689.016
Các khoản phải trả khác	36.371.318.301	86.167.760.762	-	122.539.079.063
Cộng	147.089.627.980	168.093.295.432	19.012.693.117	334.195.616.529

7. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
	+ 2	(1.359.826.153)
	- 2	1.359.826.153
Năm trước		
	+ 2	(2.894.155.335)
	- 2	2.894.155.335

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 là không đáng kể.

8. Các khoản cam kết

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã cam kết bảo lãnh khoản vay tại các ngân hàng cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát và Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice).

9. Điều chỉnh năm trước

Trong năm, Tập đoàn đã điều chỉnh lại số liệu đầu năm liên quan khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến 2008. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	531.136.362.615	3.701.840.541	534.838.203.156
Tài sản dài hạn khác	260	18.219.817.050	3.701.840.541	21.921.657.591
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	142.520.976	3.701.840.541	3.844.361.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.066.589.787.483	3.701.840.541	1.070.291.628.024
NỢ PHẢI TRẢ	300	561.528.823.397	5.152.619.312	566.681.442.709
Nợ ngắn hạn	310	158.666.467.182	5.152.619.312	163.819.086.494

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.527.769.208		5.152.619.312	8.680.388.520
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	505.060.964.086	(1.450.778.771)		503.610.185.315
Vốn chủ sở hữu	410	505.060.964.086	(1.450.778.771)		503.610.185.315
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	96.523.443.750	(1.450.778.771)		95.072.664.979
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.066.589.787.483	3.701.840.541		1.070.291.628.024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	82.482.759.649	24.580.970.285	25.139.458.656	4.652.175.370	2.833.488.006	96.867.739.775	236.556.591.741
Tăng trong năm	17.125.969.763	-	-	138.951.453	-	922.218.138	18.187.139.354
Mua sắm mới	315.291.700	-	-	138.951.453	-	-	454.243.153
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.966.511.465	-	-	-	-	922.218.138	7.888.729.603
Tăng khác	9.844.166.598	-	-	-	-	-	9.844.166.598
Giảm trong năm	(38.379.577.978)	(7.138.638.200)	(4.995.901.135)	(1.199.909.007)	-	(4.336.852.946)	(56.050.879.266)
Giảm do thanh lý công ty con	(38.314.067.978)	(7.086.978.200)	(4.995.901.135)	(1.174.295.484)	-	(568.236.738)	(52.139.479.535)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(51.660.000)	-	(25.613.523)	-	-	(77.273.523)
Giảm do chuyển sang bất động sản đầu tư	(65.510.000)	-	-	-	-	(3.768.616.208)	(3.834.126.208)
Số cuối năm	61.229.151.434	17.442.332.085	20.143.557.521	3.591.217.816	2.833.488.006	93.453.104.967	198.692.851.829
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	776.568.403	46.821.045	7.618.408.544	2.884.442.495	600.299.434	43.698.287.366	55.624.827.287
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	56.831.542.264	8.505.019.467	16.039.839.914	4.016.814.199	1.993.542.193	74.145.620.030	161.532.378.067
Tăng trong năm	9.856.160.868	1.689.268.971	1.784.486.233	235.382.927	319.026.939	8.173.352.188	22.057.678.126
Khấu hao trong năm	2.822.428.054	1.689.268.971	1.784.486.233	235.382.927	319.026.939	8.173.352.188	15.023.945.312
Tăng khác	7.033.732.814	-	-	-	-	-	7.033.732.814
Giảm trong năm	(31.858.937.358)	(6.378.351.044)	(2.629.790.622)	(1.060.114.959)	-	(2.206.292.176)	(44.133.486.159)
Giảm do thanh lý công ty con	(31.847.239.143)	(6.326.691.044)	(2.629.790.622)	(1.034.501.436)	-	(513.514.243)	(42.351.736.488)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(51.660.000)	-	(25.613.523)	-	-	(77.273.523)
Giảm do chuyển sang bất động sản đầu tư	(11.698.215)	-	-	-	-	(1.692.777.933)	(1.704.476.148)
Số cuối năm	34.828.765.774	3.815.937.394	15.194.535.525	3.192.082.167	2.312.569.132	80.112.680.042	139.456.570.034
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	25.651.217.385	16.075.950.818	9.099.618.742	635.361.171	839.945.813	22.722.119.745	75.024.213.674
Số cuối năm	26.400.385.660	13.626.394.691	4.949.021.996	399.135.649	520.918.874	13.340.424.925	59.236.281.795
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012



Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

[Signature]

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào bất động sản đầu tư trong năm	Kết chuyển vào giá vốn trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi phí xây dựng cơ bản tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	65.919.147.243	16.659.777.268	(7.271.043.995)	(5.104.596.824)	(21.636.114.000)	(18.696.902.633)	29.870.267.059
Công trình Khu công nghiệp Tân Bình	21.972.711.268	94.671.363	(197.371.363)	-	(21.636.114.000)	-	233.897.268
Công trình lưới điện thi công theo nguồn vốn ngân sách (*)	17.817.763.950	529.804.686	-	-	-	(18.347.568.636)	-
Chi phí đền bù và các chi phí chung	8.718.788.947	6.823.205.781	(784.836.363)	(4.404.077.110)	-	-	10.353.081.255
Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2	14.700.995.588	2.397.810.065	(6.288.836.269)	-	-	(349.333.997)	10.460.635.387
Công trình kho xưởng	-	12.000.000	-	-	-	-	12.000.000
Công trình nhà ở cho người lao động	1.703.114.505	957.025.376	-	-	-	-	2.660.139.881
Văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	700.519.714	-	-	(700.519.714)	-	-	-
Văn phòng Lê Trọng Tấn	305.253.271	5.845.259.997	-	-	-	-	6.150.513.268
Chi phí xây dựng cơ bản tại Văn phòng Công ty	4.526.947.405	5.106.178.574	(1.142.137.708)	-	-	-	8.490.988.271
Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	651.559.016	-	-	-	-	-	651.559.016
Trung tâm thương mại Ngã tư ga	1.775.201.078	-	-	-	-	-	1.775.201.078
Tanihotel (261 Hoàng Văn Thụ)	947.248.834	5.081.049.162	-	-	-	-	6.028.297.996
TTVH Ao đôi (Dân cư 6)	10.811.181	-	-	-	-	-	10.811.181
Chi Nhánh Long An	1.099.427.296	-	(1.099.427.296)	-	-	-	-
Khác	42.700.000	25.129.412	(42.710.412)	-	-	-	25.119.000
Cộng	70.446.094.648	21.765.955.842	(8.413.181.703)	(5.104.596.824)	(21.636.114.000)	(18.696.902.633)	38.361.255.330

(*) Theo quyết định số 163/QĐ-SCN ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Sở Công nghiệp (nay là Sở Công thương) TP. Hồ Chí Minh, Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được giao thực hiện dự án "Xây dựng mới hệ thống lưới điện trung hạ thế cung cấp cho nhóm dân cư - khu công nghiệp Tân Bình mở rộng". Khi công trình hoàn thành, Ban đã bàn giao và quyết toán với Ngân sách Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	210.352.860.000	-	51.100.151.798	10.801.178.723	77.881.249.066	470.135.439.587
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	120.000.000.000	(120.000.000.000)		-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	-	98.119.536.966	98.119.536.966
Chia cổ tức năm trước	-	-		-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-		14.455.839.580	1.326.228.586	(26.667.394.176)	(10.885.326.010)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-		-	-	(17.818.954.500)	(17.818.954.500)
Tăng khác	-	-		200.000.000	301.261.649	600.000.000	1.101.261.649
Giảm khác	-	-		-	-	(1.041.772.377)	(1.041.772.377)
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	-	65.755.991.378	12.428.668.958	95.072.664.979	503.610.185.315
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	90.352.860.000	-	65.755.991.378	12.428.668.958	95.072.664.979	503.610.185.315
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89.738.125.832	89.738.125.832
Điều chỉnh cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(24.181.045.500)	(24.181.045.500)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(23.122.864.000)	(23.122.864.000)
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(12.901.547.446)	-	-	-	(12.901.547.446)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	23.063.531.393	5.765.882.848	(46.324.636.129)	(17.495.221.888)
Tăng khác do kết chuyển quỹ từ công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.479.253.337	4.479.253.337
Số dư cuối năm	240.000.000.000	90.352.860.000	(12.901.547.446)	88.819.522.771	18.194.551.806	95.661.498.519	520.126.885.650

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2012


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc